

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Năm học 2024-2025. Học kỳ 1

Môn thi: **Toán xác suất thống kê**
Lần thi: 2 Hình thức thi: Tự luận Thời gian làm bài: 90 (phút)

Ngày thi: **31/05/2025** Giờ thi: **07:30** Phòng thi: **102.1-TA1** Mã phòng thi: 687
Tổng số thí sinh: 46 Có mặt:..... Vắng: Có lý do: Không lý do:

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	100	CT080101	Hoàng Hoàng	An	CT8A				
2	101	DT070101	Vũ Trường	An	DT7A				
3	102	AT200301	Cao Thị Kiều	Anh	AT20C				
4	103	AT140401	Dương Trung	Anh	AT14D				
5	104	AT200404	Dương Trọng	Ánh	AT20D				
6	105	AT200205	Lê Tiến	Bảo	AT20B				
7	106	CT080114	Thái Hữu	Dũng	CT8A				
8	107	AT200118	Phạm Anh	Duy	AT20A				
9	108	AT200416	Nguyễn Lý	Dương	AT20D				
10	109	CT040312	Đieu Chính	Đạt	CT4C				
11	110	AT200309	Đỗ Tiến	Đạt	AT20C				
12	111	DT060107	Phan Thành	Đạt	DT6A				Nợ lệ phí
13	112	CT040415	Đinh Minh	Đức	CT4D				
14	113	AT180111	Trần Minh	Đức	AT18A				
15	114	AT190417	Đỗ Hoàng	Giáp	AT19D				
16	115	CT050414	Vũ Ngọc	Hải	CT5D				
17	116	AT200417	Hà Minh	Hải	AT20D				
18	117	DT070213	Nguyễn Sơn	Hải	DT7B				
19	118	AT200418	Nguyễn Thị Minh	Hằng	AT20D				
20	119	AT200221	Phạm Văn	Hiếu	AT20B				
21	120	DT070118	Nguyễn Thu	Hoan	DT7A				
22	121	CT080123	Đinh Huy	Hoàng	CT8A				
23	122	AT200421	Lành Huy	Hoàng	AT20D				
24	123	DT070123	Bùi Quốc	Huy	DT7A				
25	124	AT180522	Tạ Minh	Huy	AT18E				
26	125	AT200330	Vũ Tuấn	Khiên	AT20C				
27	126	AT190331	Nguyễn Văn Hào	Linh	AT19C				
28	127	DT040232	Nguyễn Đình	Luật	DT4B				
29	128	AT200440	Bùi Thị	Mai	AT20D				
30	129	CT080139	Phạm Hải	Minh	CT8A				
31	130	CT080240	Đỗ Trọng	Nam	CT8B				
32	131	CT080238	Nguyễn Thành	Nam	CT8B				

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
33	132	DT070234	Đỗ Đại	Nghĩa	DT7B				
34	133	AT200343	Nguyễn Duy	Nghĩa	AT20C				
35	134	CT080244	Nguyễn Văn	Quang	CT8B				
36	135	CT080150	Bùi Nam	Quân	CT8A				
37	136	AT200452	Lê Thị Minh	Tâm	AT20D				
38	137	CT080250	Bùi Dương Đức	Thanh	CT8B				
39	138	CT080252	Nguyễn Diệu	Thảo	CT8B				
40	139	CT070253	Bùi Đức	Thịnh	CT7B				
41	140	CT080256	Nguyễn Tăng	Thuận	CT8B				
42	141	CT080255	Bùi Thị Minh	Thư	CT8B				
43	142	AT180545	Nguyễn Văn	Tiện	AT18E				
44	143	AT160357	Hoàng Dương	Tùng	AT16C				
45	144	CT080163	Phạm Thanh	Tùng	CT8A				
46	145	AT170557	Nguyễn Minh	Vũ	AT17E				

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

CBCT thứ nhất

CBCT thứ hai

Đại diện Phòng KT&ĐBCLĐT

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Năm học 2024-2025. Học kỳ 1

Môn thi: **Toán xác suất thống kê**

Lần thi: 2

Hình thức thi: Tự luận

Thời gian làm bài: 90 (phút)

Ngày thi: **31/05/2025** Giờ thi: **07:30** Phòng thi: **202.1-TA1** Mã phòng thi: 688

Tổng số thí sinh: 47 Có mặt:..... Vắng: Có lý do: Không lý do:

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	146	DT040204	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	DT4B				
2	147	AT200306	Đặng Quốc	Bảo	AT20C				
3	148	DT070104	Nguyễn Minh	Chiến	DT7A				
4	149	DT070112	Nguyễn Anh	Dũng	DT7A				
5	150	AT200115	Trần Quang	Dũng	AT20A				
6	151	CT080215	Vũ Trần Quang	Duy	CT8B				
7	152	AT160311	Nguyễn Danh	Dương	AT16C				
8	153	CT080210	Đặng Quốc	Đạt	CT8B				
9	154	CT080112	Vũ Thành	Đông	CT8A				
10	155	AT200413	Hoàng Minh	Đức	AT20D				
11	156	AT200318	Nguyễn Tiến	Hải	AT20C				
12	157	AT200121	Nguyễn Minh	Hiếu	AT20A				
13	158	AT180219	Nguyễn Minh	Hiếu	AT18B				
14	159	AT141022	Đinh Văn	Hoan	AT14D				
15	160	DT070119	Ngô Trường	Hoàng	DT7A				
16	161	AT200321	Trần Việt	Hoàng	AT20C				
17	162	AT200426	Hoàng Quang	Huy	AT20D				
18	163	CT080231	Ngô Nam	Huy	CT8B				
19	164	AT200427	Trần Quang	Huy	AT20D				
20	165	CT080126	Trương Công	Huy	CT8A				
21	166	AT200328	Nguyễn Thanh	Huyền	AT20C				
22	167	CT080125	Ngô Hoàng	Hung	CT8A				
23	168	DT070125	Nguyễn Duy	Khánh	DT7A				
24	169	DT070127	Trần Đình	Khôi	DT7A				
25	170	AT200132	Phạm Lê Trung	Kiên	AT20A				
26	171	DT070130	Trần Hà	Kiên	DT7A				
27	172	AT200434	Lã Duy	Lân	AT20D				
28	173	AT200235	Lưu Quang	Lộc	AT20B				
29	174	AT200337	Hoàng Thế	Mạnh	AT20C				
30	175	AT200338	Lại Nhật	Minh	AT20C				
31	176	CT080236	Xa Bảo	Minh	CT8B				
32	177	AT200441	Hà Thế	Nam	AT20D				

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
33	178	CT080141	Nguyễn Hoàng	Nam	CT8A				
34	179	AT190335	Nguyễn Huy	Nam	AT19C				
35	180	AT200341	Phạm Hoài	Nam	AT20C				
36	181	CT080239	Trần Đức	Nam	CT8B				
37	182	AT200143	Nguyễn Anh	Nhất	AT20A				
38	183	CT080146	Nguyễn Tuấn	Phi	CT8A				
39	184	DT070138	Bùi Đức	Sơn	DT7A				
40	185	AT200153	Trần Trường	Sơn	AT20A				
41	186	CT080251	Đỗ Văn	Thành	CT8B				
42	187	AT190448	Nguyễn Việt	Thành	AT19D				
43	188	DT070154	Hoàng Anh	Tú	DT7A				
44	189	CT040252	Nguyễn Minh	Tuấn	CT4B				
45	190	AT200463	Tô Văn	Tuấn	AT20D				
46	191	DT050235	Trần Đức	Tùng	DT5B				
47	192	AT200167	Nguyễn Đức	Việt	AT20A				

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

CBCT thứ nhất

CBCT thứ hai

Đại diện Phòng KT&ĐBCLĐT

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Năm học 2024-2025. Học kỳ 1

Môn thi: **Quản lý an toàn thông tin**

Lần thi: 2

Hình thức thi: Tự luận

Thời gian làm bài: 90 (phút)

Ngày thi: **31/05/2025** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **102.1-TA1** Mã phòng thi: 689

Tổng số thí sinh: 55 Có mặt:..... Vắng: Có lý do: Không lý do:

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	100	AT180201	Bùi Việt	An	AT18B				
2	101	AT180304	Nguyễn Ngọc	Anh	AT18C				
3	102	AT180402	Nguyễn Thị Phương	Anh	AT18D				Nợ lệ phí
4	103	AT180205	Nguyễn Việt	Anh	AT18B				Nợ lệ phí
5	104	AT180406	Nguyễn Duy	Bình	AT18D				
6	105	AT180108	Nguyễn Đức	Chiều	AT18A				
7	106	AT180208	Trần Đức	Chính	AT18B				
8	107	AT180507	Nguyễn Mạnh	Cường	AT18E				
9	108	AT180212	Lê Ngọc	Dung	AT18B				
10	109	AT180512	Trần Đăng Tuấn	Dũng	AT18E				
11	110	AT180114	Cần Thái	Dương	AT18A				
12	111	AT180113	Nguyễn Đức	Dương	AT18A				
13	112	AT180612	Nguyễn Thái	Dương	AT18G				
14	113	AT180210	Vũ Quang	Đạo	AT18B				
15	114	AT180211	Âu Quang	Đức	AT18B				
16	115	AT180411	Phạm Minh	Đức	AT18D				
17	116	AT180111	Trần Minh	Đức	AT18A				
18	117	AT180215	Hoàng Hà	Giang	AT18B				
19	118	AT180618	Nguyễn Tiến	Hòa	AT18G				
20	119	AT180120	Đinh Tiến	Hoàng	AT18A				
21	120	AT180517	Nguyễn Huy	Hoàng	AT18E				
22	121	AT180121	Đào Vĩnh	Hùng	AT18A				
23	122	AT180519	Nguyễn Duy	Hùng	AT18E				
24	123	AT180222	Nguyễn Hữu	Huy	AT18B				
25	124	AT150125	Lê Viết	Hung	AT15A				Nợ lệ phí
26	125	AT180224	Nguyễn Văn	Khang	AT18B				
27	126	AT180225	Phan Nam	Khánh	AT18B				
28	127	AT180625	Trần Minh	Khánh	AT18G				
29	128	AT180326	Trịnh Hữu	Khiêm	AT18C				
30	129	AT180626	Phù Trung	Kiên	AT18G				
31	130	AT180527	Đỗ Hoàng	Kỳ	AT18E				Nợ lệ phí
32	131	AT180428	Đỗ Ngọc	Linh	AT18D				

STT	SBD	Mã HVS	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
33	132	AT180628	Nguyễn Thị Thùy	Linh	AT18G				
34	133	AT180131	Trần Văn	Long	AT18A				
35	134	AT180431	Trần Quang	Luân	AT18D				
36	135	AT180531	Nguyễn Đức	Lương	AT18E				
37	136	AT180233	Nguyễn Tuấn	Mạnh	AT18B				
38	137	AT180135	Lê Hoàng	Minh	AT18A				
39	138	AT180433	Nguyễn Tấn	Minh	AT18D				
40	139	AT180234	Nông Nguyễn Tuấn	Minh	AT18B				
41	140	AT180439	Hoàng Hà	Phương	AT18D				
42	141	AT180538	Trần Xuân	Phương	AT18E				
43	142	AT180639	Nguyễn Hoàng	Quân	AT18G				
44	143	AT180341	Hoàng Tuyển	Quyền	AT18C				
45	144	AT180242	Nguyễn Mạnh	Sơn	AT18B				
46	145	AT180144	Nguyễn Văn	Thành	AT18A				
47	146	AT180545	Nguyễn Văn	Tiện	AT18E				
48	147	AT180644	Trần Quang	Toà	AT18G				
49	148	AT180546	Lê Bá	Trường	AT18E				Nợ lệ phí
50	149	AT180646	Lều Văn	Tú	AT18G				
51	150	AT180248	Trần Xuân	Tú	AT18B				
52	151	AT150262	Hoàng Minh	Tuấn	AT15B				Nợ lệ phí
53	152	AT180250	Hứa Hoàng	Tùng	AT18B				
54	153	AT180550	Lưu Quốc	Việt	AT18E				
55	154	AT160159	Nguyễn Hoàng	Việt	AT16A				

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

CBCT thứ nhất

CBCT thứ hai

Đại diện Phòng KT&ĐBCLĐT

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Năm học 2024-2025. Học kỳ 1

Môn thi: **Tiếng anh 1**

Lần thi: 2

Hình thức thi: Hỗn hợp (máy)

Thời gian làm bài: 120 (phút)

Ngày thi: **31/05/2025** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **202.1-TA1** Mã phòng thi: 690

Tổng số thí sinh: 43 Có mặt:..... Vắng: Có lý do: Không lý do:

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Điểm	Ký tên	Ghi chú
1	100	AT160201	Nguyễn Văn	An	AT16B				Nợ lệ phí
2	101	AT200203	Đoàn Tuấn	Anh	AT20B				Nợ lệ phí
3	102	CT080204	Nguyễn Văn	Bằng	CT8B				
4	103	AT200208	Bùi Thanh	Chương	AT20B				
5	104	CT080115	An Đức	Dương	CT8A				
6	105	AT200414	Sìn Bình	Dương	AT20D				
7	106	CT080109	Phan Thanh	Đạt	CT8A				
8	107	CT030214	Đoàn Đình	Đồng	CT3B				
9	108	AT150412	Trịnh Đình	Đức	AT15D				Nợ lệ phí
10	109	AT200417	Hà Minh	Hải	AT20D				
11	110	CT040218	Nguyễn Vĩnh	Hào	CT4B				
12	111	AT160517	Trần Thị	Hằng	AT16E				Nợ lệ phí
13	112	AT190320	Nguyễn Thị	Hiệp	AT19C				
14	113	CT080121	Dương Văn	Hiếu	CT8A				
15	114	AT141022	Đình Văn	Hoan	AT14D				
16	115	AT170122	Lê Thanh	Hoàng	AT17A				
17	116	CT060315	Đỗ Đức	Hoàng	CT6C				
18	117	CT080122	Phạm Xuân	Hoàng	CT8A				Nợ lệ phí
19	118	AT200224	Bùi Khắc	Hùng	AT20B				
20	119	CT080231	Ngô Nam	Huy	CT8B				
21	120	CT040427	Nguyễn Duy	Khang	CT4D				
22	121	AT200230	Trịnh Ngọc	Khánh	AT20B				
23	122	AT200237	Bùi Văn	Mạnh	AT20B				Nợ lệ phí
24	123	DT060233	Đoàn Hùng	Mạnh	DT6B				
25	124	AT200437	Phạm Quang	Mạnh	AT20D				Nợ lệ phí
26	125	CT030141	Phan Hoài	Nam	CT3A				
27	126	CT010330	Lê Thị Thanh	Nga	CT1C				
28	127	AT200245	Hồ Đức	Phú	AT20B				Nợ lệ phí
29	128	DT070236	Ngô Thị Kim	Phương	DT7B				Nợ lệ phí
30	129	AT200350	Nguyễn Văn	Quang	AT20C				
31	130	DT070239	Trần Ngọc	Son	DT7B				Nợ lệ phí
32	131	AT200453	Vũ Nhật	Tân	AT20D				
33	132	AT150350	Bùi Tiến	Thành	AT15C				

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Điểm	Ký tên	Ghi chú
34	133	CT080251	Đỗ Văn	Thành	CT8B				Nợ lệ phí
35	134	DT060243	Nguyễn Tiến	Thành	DT6B				
36	135	AT160348	Lê Chiến	Thắng	AT16C				
37	136	DT030138	Trần Quang	Thiện	DT3A				
38	137	AT170550	Đoàn Văn	Tiến	AT17E				
39	138	CT080155	Đoàn Quốc	Tiến	CT8A				
40	139	DT070246	Hoàng Văn	Trọng	DT7B				
41	140	AT190355	Lê Văn	Tuân	AT19C				
42	141	CT030258	Hoàng Trọng	Tuyên	CT3B				Nợ lệ phí
43	142	CT030456	Đỗ Đức	Việt	CT3D				

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

CBCT thứ nhất

CBCT thứ hai

Đại diện Phòng KT&ĐBCLĐT

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Năm học 2024-2025. Học kỳ 1

Môn thi: **Kỹ thuật điện**
Lần thi: 2 Hình thức thi: Trắc nghiệm (máy) Thời gian làm bài: 60 (phút)
Ngày thi: **31/05/2025** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **102.1-TA1** Mã phòng thi: 691
Tổng số thí sinh: 47 Có mặt:..... Vắng: Có lý do: Không lý do:

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Điểm	Ký tên	Ghi chú
1	100	DT070101	Vũ Trường	An	DT7A				
2	101	DT070103	Nguyễn Văn Công	Anh	DT7A				
3	102	DT070202	Phạm Quang	Anh	DT7B				
4	103	DT070201	Trần Thị Lan	Anh	DT7B				
5	104	DT070104	Nguyễn Minh	Chiến	DT7A				
6	105	DT070212	Lưu Hoàng	Duy	DT7B				
7	106	DT060110	Lữ Tùng	Dương	DT6A				
8	107	DT060107	Phan Thành	Đạt	DT6A				Nợ lệ phí
9	108	DT050105	Vũ Quốc	Đạt	DT5A				
10	109	DT060108	Đỗ Duy Hồng	Đức	DT6A				
11	110	DT050206	Nguyễn Minh	Đức	DT5B				
12	111	DT070213	Nguyễn Sơn	Hải	DT7B				
13	112	DT070217	Hoàng Trung	Hiếu	DT7B				
14	113	DT070118	Nguyễn Thu	Hoan	DT7A				
15	114	DT070219	Nguyễn Việt	Hoàng	DT7B				
16	115	DT070221	Nguyễn Mạnh	Hùng	DT7B				
17	116	DT060223	Đoàn Phạm Vĩnh	Hung	DT6B				
18	117	DT060126	Tào Quang	Hung	DT6A				
19	118	DT060226	Ngô Văn	Khải	DT6B				
20	119	DT070225	Nghiêm Quang	Khánh	DT7B				
21	120	DT070128	Ngô Anh	Khuong	DT7A				
22	121	DT070228	Bùi Trung	Kiên	DT7B				
23	122	DT050118	Lê Trung	Kiên	DT5A				
24	123	DT070227	Nguyễn Trung	Kiên	DT7B				
25	124	DT060133	Nguyễn Trung	Kiên	DT6A				
26	125	DT070130	Trần Hà	Kiên	DT7A				
27	126	DT070229	Chu Duy	Lâm	DT7B				
28	127	DT040232	Nguyễn Đình	Luật	DT4B				
29	128	DT040137	Lê Đăng	Minh	DT4A				
30	129	DT020228	Đỗ Đức	Minh	DT2B				
31	130	DT070233	Nhâm Diệu	My	DT7B				
32	131	DT070234	Đỗ Đại	Nghĩa	DT7B				
33	132	DT070236	Ngô Thị Kim	Phương	DT7B				

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Điểm	Ký tên	Ghi chú
34	133	DT070238	Nguyễn Bảo	Quốc	DT7B				
35	134	DT070136	Đông Minh	Quyền	DT7A				
36	135	DT060241	Nguyễn Thế	Tài	DT6B				
37	136	DT070240	Vũ Anh	Tài	DT7B				
38	137	DT070241	Nguyễn Văn	Tâm	DT7B				
39	138	DT070244	Nguyễn Trọng	Thi	DT7B				
40	139	DT070142	Nguyễn Ngọc	Thiện	DT7A				
41	140	DT070143	Phạm Quang	Thông	DT7A				
42	141	DT040152	Nguyễn Hữu	Toàn	DT4A				
43	142	DT070154	Hoàng Anh	Tú	DT7A				
44	143	DT030148	Đình Thanh	Tùng	DT3A				
45	144	DT050235	Trần Đức	Tùng	DT5B				
46	145	DT070250	Nguyễn Thế	Vinh	DT7B				
47	146	DT070251	Lương Mạnh	Xây	DT7B				

CBCT thứ nhất

CBCT thứ hai

Hà Nội, ngày tháng năm 20....
Đại diện Phòng KT&ĐBCLĐT

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Năm học 2024-2025. Học kỳ 1

Môn thi: **Kỹ thuật truyền số liệu**
Lần thi: 2 Hình thức thi: Trắc nghiệm (máy) Thời gian làm bài: 60 (phút)
Ngày thi: **31/05/2025** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **201-TA1** Mã phòng thi: 692
Tổng số thí sinh: 28 Có mặt:..... Vắng: Có lý do: Không lý do:

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Điểm	Ký tên	Ghi chú
1	100	CT070205	Phạm Văn	Anh	CT7B				
2	101	CT070107	Lương Sỹ	Bình	CT7A				Nợ lệ phí
3	102	AT190414	Trần Văn	Dũng	AT19D				
4	103	DT060107	Phan Thành	Đạt	DT6A				Nợ lệ phí
5	104	AT190310	Trần Quốc	Đạt	AT19C				
6	105	AT190109	Lê Minh	Đăng	AT19A				
7	106	AT190117	Lê Đức	Hà	AT19A				
8	107	CT070219	Lò Thị Xuân	Hoa	CT7B				
9	108	AT141022	Đinh Văn	Hoan	AT14D				
10	109	CT070320	Mai Việt	Hoàng	CT7C				
11	110	CT070222	Nguyễn Văn	Hoàng	CT7B				Nợ lệ phí
12	111	CT070324	Nguyễn Quang	Huy	CT7C				
13	112	AT190324	Nguyễn Tuấn	Hung	AT19C				
14	113	AT190229	Quách Thùy	Linh	AT19B				
15	114	CT070229	Đỗ Đại	Lộc	CT7B				
16	115	AT190432	Hoàng Đức	Mạnh	AT19D				
17	116	AT190434	Trần Công	Minh	AT19D				
18	117	CT070141	Hoàng Thị Bích	Ngọc	CT7A				
19	118	AT190337	Nguyễn Thành	Ngọc	AT19C				
20	119	AT190437	Trần Minh	Nhật	AT19D				
21	120	AT130245	Nguyễn Đình	Quang	AT13B				Nợ lệ phí
22	121	CT070246	Hứa Đức	Sáng	CT7B				
23	122	CT050247	Nguyễn Đức	Thịnh	CT5B				
24	123	AT190554	Cao Khánh	Trường	AT19E				
25	124	AT190251	Hoàng Lý Đức	Trường	AT19B				
26	125	CT070162	Nguyễn Hữu	Tuyền	CT7A				
27	126	CT070265	Chu Minh	Vũ	CT7B				
28	127	AT190258	Nguyễn Tuấn	Vũ	AT19B				

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

CBCT thứ nhấtCBCT thứ haiĐại diện Phòng KT&ĐBCLĐT

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Năm học 2024-2025. Học kỳ 1

Môn thi: **Kỹ thuật truyền số liệu**
Lần thi: 2 Hình thức thi: Trắc nghiệm (máy) Thời gian làm bài: 60 (phút)
Ngày thi: **31/05/2025** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **202.1-TA1** Mã phòng thi: 693
Tổng số thí sinh: 32 Có mặt:..... Vắng: Có lý do: Không lý do:

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Điểm	Ký tên	Ghi chú
1	128	CT070104	Đoàn Hoàng	Anh	CT7A				
2	129	CT070204	Nguyễn Hoàng	Anh	CT7B				
3	130	AT190503	Nguyễn Phùng	Anh	AT19E				
4	131	AT190401	Vũ Tuấn	Anh	AT19D				
5	132	AT190307	Hoàng Quốc	Bảo	AT19C				
6	133	CT070207	Nguyễn Huy	Chính	CT7B				
7	134	CT070115	Trần Hoàng	Dũng	CT7A				
8	135	CT070313	Hà Phương	Duy	CT7C				
9	136	AT190312	Đặng Hoàng	Đức	AT19C				
10	137	CT070121	Đỗ Văn	Giáp	CT7A				Nợ lệ phí
11	138	AT190520	Nguyễn Minh	Hải	AT19E				Nợ lệ phí
12	139	DT060122	Nguyễn Công	Hoàng	DT6A				Nợ lệ phí
13	140	AT120912	Nguyễn Trần Anh	Hoàng	AT12K				Nợ lệ phí
14	141	CT070133	Quách Văn	Khải	CT7A				
15	142	AT190427	Nguyễn Hữu	Khang	AT19D				
16	143	AT190528	Quản Xuân	Khánh	AT19E				
17	144	AT190228	Dương Đức	Kiên	AT19B				
18	145	DT060134	Lê Xuân	Long	DT6A				
19	146	AT190333	Nguyễn Văn	Mạnh	AT19C				
20	147	CT070334	Cao Đình	Nguyên	CT7C				
21	148	AT190137	Nguyễn Ngọc	Nhật	AT19A				
22	149	AT190341	Hoàng Minh	Phương	AT19C				
23	150	AT190440	Vi Đức	Phương	AT19D				
24	151	AT190147	Nguyễn Đức	Tâm	AT19A				
25	152	DT060243	Nguyễn Tiến	Thành	DT6B				
26	153	AT190151	Nguyễn Đức	Thắng	AT19A				
27	154	CT070156	Nguyễn Tiến	Thuận	CT7A				
28	155	CT030452	Hoàng Hữu	Trượng	CT3D				
29	156	AT190557	Nguyễn Văn	Tùng	AT19E				
30	157	AT190257	Phạm Long	Việt	AT19B				
31	158	AT190159	Bùi Quang	Vinh	AT19A				
32	159	CT070164	Nguyễn Doãn	Vinh	CT7A				

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

CBCT thứ nhất CBCT thứ hai Đại diện Phòng KT&ĐBCLĐT

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Năm học 2024-2025. Học kỳ 1

Môn thi: **Kỹ thuật truyền số liệu**

Lần thi: 2 Hình thức thi: Trắc nghiệm (máy) Thời gian làm bài: 60 (phút)

Ngày thi: **31/05/2025** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **203-TA1** Mã phòng thi: 694
Tổng số thí sinh: 26 Có mặt:..... Vắng: Có lý do: Không lý do:

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Điểm	Ký tên	Ghi chú
1	160	AT190501	Hoàng Thị Lan	Anh	AT19E				
2	161	AT190105	Ngô Gia	Bảo	AT19A				Nợ lệ phí
3	162	AT190315	Bùi Văn	Dương	AT19C				Nợ lệ phí
4	163	DT060110	Lữ Tùng	Dương	DT6A				Nợ lệ phí
5	164	CT070209	Hoàng Quốc	Đạt	CT7B				
6	165	DT060214	Phan Tài	Em	DT6B				
7	166	DT060118	Nguyễn Minh	Hiển	DT6A				
8	167	DT060120	Chu Đức	Hiếu	DT6A				
9	168	DT060224	Đình Quang	Huy	DT6B				
10	169	AT190130	Phan Hải	Long	AT19A				
11	170	AT190533	Lê Đức	Mạnh	AT19E				
12	171	AT190534	Nguyễn Huy Hải	Minh	AT19E				
13	172	CT070238	Vũ Bá	Pháo	CT7B				
14	173	AT190237	Phạm Tiến	Phong	AT19B				
15	174	DT060140	Nguyễn Trí	Phúc	DT6A				
16	175	CT070339	Tạ Đức	Phúc	CT7C				
17	176	AT190140	Phạm Hữu	Phước	AT19A				
18	177	AT190443	Lê Trọng	Quý	AT19D				
19	178	AT190545	Nguyễn Thanh	Quyết	AT19E				
20	179	AT190345	Đỗ Quang	Sang	AT19C				
21	180	AT190246	Nguyễn Chiến	Thắng	AT19B				
22	181	AT190354	Trần Xuân	Trường	AT19C				
23	182	AT190355	Lê Văn	Tuân	AT19C				
24	183	DT060248	Đặng Chí	Tuệ	DT6B				
25	184	AT190358	Phạm Phan Bá	Việt	AT19C				
26	185	AT190158	Phan Văn Hoàng	Việt	AT19A				Nợ lệ phí

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

CBCT thứ nhất

CBCT thứ hai

Đại diện Phòng KT&ĐBCLĐT

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Năm học 2024-2025. Học kỳ 1

Môn thi: **Tiếng anh 3**
Lần thi: 2 Hình thức thi: Trắc nghiệm (máy) Thời gian làm bài: 120 (phút)
Ngày thi: **31/05/2025** Giờ thi: **15:00** Phòng thi: **102.1-TA1** Mã phòng thi: 695
Tổng số thí sinh: 71 Có mặt:..... Vắng: Có lý do: Không lý do:

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Điểm	Ký tên	Ghi chú
1	100	AT170301	Nguyễn Văn	An	AT17C				
2	101	CT070101	Lưu Tuấn	Anh	CT7A				Nợ lệ phí
3	102	AT170401	Nguyễn Quốc	Ân	AT17D				
4	103	AT140103	Nguyễn Thế	Bắc	AT14A				Nợ lệ phí
5	104	DT040110	Trần Đức	Cường	DT4A				
6	105	DT040213	Hoàng Anh	Dũng	DT4B				
7	106	DT040114	Nguyễn Anh	Dũng	DT4A				
8	107	CT070118	Phạm Quang	Duy	CT7A				
9	108	AT170407	Trần Quốc	Đảm	AT17D				Nợ lệ phí
10	109	CT050308	Bùi Thành	Đạt	CT5C				
11	110	AT190517	Nguyễn Đình	Giang	AT19E				
12	111	CT030415	Ngô Thị Thu	Hà	CT3D				
13	112	AT180117	Phan Thị	Hà	AT18A				
14	113	AT130320	Vũ Hoàng	Hải	AT13C				
15	114	DT040121	Trần Văn	Hậu	DT4A				
16	115	DT060118	Nguyễn Minh	Hiền	DT6A				
17	116	AT141022	Đình Văn	Hoan	AT14D				Nợ lệ phí
18	117	DT040222	Lê Hữu	Hoàng	DT4B				Nợ lệ phí
19	118	CT070319	Nguyễn Huy	Hoàng	CT7C				
20	119	AT190223	Nguyễn Đức	Hùng	AT19B				Nợ lệ phí
21	120	CT070322	Phạm Văn	Hùng	CT7C				
22	121	DT060224	Đình Quang	Huy	DT6B				
23	122	CT040422	La Gia	Huy	CT4D				
24	123	CT070227	Lê Quốc	Huy	CT7B				
25	124	DT060222	Phạm Đức	Hưng	DT6B				
26	125	DT060125	Phạm Thế	Hưng	DT6A				Nợ lệ phí
27	126	DT060227	Vũ Duy	Khang	DT6B				
28	127	AT170328	Phạm Tiến	Khánh	AT17C				Nợ lệ phí
29	128	AT190229	Quách Thùy	Linh	AT19B				
30	129	CT060121	Phạm Nguyễn Quyết	Long	CT6A				Nợ lệ phí
31	130	CT070230	Lê Văn	Lợi	CT7B				
32	131	CT050430	Đặng Đức	Lương	CT5D				
33	132	AT150438	Đoàn Thị Ngọc	Mai	AT15D				Nợ lệ phí
34	133	DT060233	Đoàn Hùng	Mạnh	DT6B				
35	134	DT060235	Lê Thị Trà	My	DT6B				
36	135	AT190235	Trần Thị Thuý	Ngân	AT19B				
37	136	CT050139	Nguyễn Minh	Nhật	CT5A				

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Điểm	Ký tên	Ghi chú
38	137	CT070238	Vũ Bá	Pháo	CT7B				
39	138	AT190440	Vi Đức	Phương	AT19D				
40	139	AT190142	Nguyễn Văn	Quang	AT19A				
41	140	CT020137	Trịnh Xuân	Quang	CT2A				Nợ lệ phí
42	141	CT070146	Lê Anh	Quân	CT7A				
43	142	CT060133	Nguyễn Xuân	Quý	CT6A				
44	143	AT180340	Trịnh Bá	Quý	AT18C				
45	144	AT190545	Nguyễn Thanh	Quyết	AT19E				
46	145	AT160153	Đỗ Viết	Soái	AT16A				
47	146	AT190548	Nguyễn Văn	Sự	AT19E				
48	147	CT070248	Nguyễn Đình	Tấn	CT7B				
49	148	AT190148	Lù Văn	Thái	AT19A				
50	149	AT140341	Nguyễn Quang	Thái	AT14C				
51	150	AT180543	Bùi Chí	Thanh	AT18E				
52	151	AT170744	Nguyễn Quang	Thành	AT17H				
53	152	AT150350	Bùi Tiến	Thành	AT15C				
54	153	CT060138	Hà Tiến	Thành	CT6A				
55	154	AT190150	Văn Xuân	Thắng	AT19A				
56	155	AT190350	Nguyễn Thị	Thoa	AT19C				
57	156	AT190552	Lại Văn	Trà	AT19E				
58	157	AT180147	Trịnh Văn	Tráng	AT18A				
59	158	DT040251	Đinh Tân	Trường	DT4B				
60	159	AT190453	Mẫn Xuân	Trường	AT19D				
61	160	CT030452	Hoàng Hữu	Trượng	CT3D				
62	161	DT040252	Hoàng Minh	Tuấn	DT4B				
63	162	AT170454	Nguyễn Tiến	Tuấn	AT17D				
64	163	AT140550	Nguyễn Anh	Tuấn	AT14E				Nợ lệ phí
65	164	DT060148	Nguyễn Anh	Tuấn	DT6A				Nợ lệ phí
66	165	CT070358	Ngô Thanh	Tùng	CT7C				Nợ lệ phí
67	166	AT140251	Phạm Ngọc	Tuyên	AT14B				Nợ lệ phí
68	167	AT190156	Đỗ Hữu	Tuyên	AT19A				Nợ lệ phí
69	168	CT030358	Vũ Thị Thanh	Vân	CT3C				
70	169	CT070163	Trần Mậu Quốc	Việt	CT7A				Nợ lệ phí
71	170	AT170557	Nguyễn Minh	Vũ	AT17E				

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

CBCT thứ nhất

CBCT thứ hai

Đại diện Phòng KT&ĐBCLĐT

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Năm học 2024-2025. Học kỳ 1

Môn thi: **Tiếng anh 3**

Lần thi: 2

Hình thức thi: Trắc nghiệm (máy)

Thời gian làm bài: 120 (phút)

Ngày thi: **31/05/2025** Giờ thi: **15:00** Phòng thi: **201-TA1** Mã phòng thi: 696

Tổng số thí sinh: 32 Có mặt:..... Vắng: Có lý do: Không lý do:

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Điểm	Ký tên	Ghi chú
1	171	CT050101	Đỗ Quốc	An	CT5A				
2	172	CT050203	Phạm Hoàng	Anh	CT5B				
3	173	CT050304	Nguyễn Văn	Bình	CT5C				
4	174	AT190409	Nguyễn Văn	Công	AT19D				Nợ lệ phí
5	175	CT070311	Phạm Tiến	Dũng	CT7C				
6	176	AT170109	Nguyễn Thế	Đạt	AT17A				
7	177	AT170209	Nguyễn Tiến	Đạt	AT17B				
8	178	CT050214	Lê Thị Hà	Giang	CT5B				
9	179	AT190418	Nguyễn Đức	Hà	AT19D				Nợ lệ phí
10	180	CT040223	Lò Văn	Huỳnh	CT4B				
11	181	AT170226	Trần Quang	Hưng	AT17B				
12	182	AT190525	Cao Bá	Hương	AT19E				
13	183	DT060130	Dương Văn	Khang	DT6A				
14	184	DT050117	Bùi Tân	Khoa	DT5A				
15	185	DT060234	Bùi Thị	Mến	DT6B				
16	186	AT170436	Lê Duy	Ngọc	AT17D				
17	187	CT070140	Mai Xuân	Ngọc	CT7A				
18	188	AT190537	Bùi Trung	Nguyên	AT19E				
19	189	AT190345	Đỗ Quang	Sang	AT19C				
20	190	DT060142	Phạm Văn	Sang	DT6A				Nợ lệ phí
21	191	CT070346	Hoàng Văn	Tài	CT7C				
22	192	AT140233	Thân Văn	Tâm	AT14B				
23	193	DT040247	Nguyễn Mạnh	Thắng	DT4B				Nợ lệ phí
24	194	AT170449	Trần Mạnh	Tiến	AT17D				
25	195	AT150458	Trần Thị Huyền	Trang	AT15D				
26	196	AT170654	Trần Anh	Tuấn	AT17G				
27	197	AT190454	Nguyễn Anh	Tuấn	AT19D				
28	198	CT070259	Nguyễn Trọng	Tuấn	CT7B				Nợ lệ phí
29	199	DT060149	Trương Anh	Tuấn	DT6A				Nợ lệ phí
30	200	CT070162	Nguyễn Hữu	Tuyến	CT7A				
31	201	CT050153	Hà Phạm Tố	Uyên	CT5A				
32	202	AT190358	Phạm Phan Bá	Việt	AT19C				Nợ lệ phí

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

CBCT thứ nhất

CBCT thứ hai

Đại diện Phòng KT&ĐBCLĐT

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Năm học 2024-2025. Học kỳ 1

Môn thi: **Tiếng anh 3**

Lần thi: 2

Hình thức thi: Trắc nghiệm (máy)

Thời gian làm bài: 120 (phút)

Ngày thi: **31/05/2025** Giờ thi: **15:00** Phòng thi: **202.1-TA1** Mã phòng thi: 697

Tổng số thí sinh: 71 Có mặt:..... Vắng: Có lý do: Không lý do:

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Điểm	Ký tên	Ghi chú
1	203	DT050101	Phạm Văn	An	DT5A				
2	204	DT040104	Nguyễn Đình Ngọc	Anh	DT4A				
3	205	AT170502	Nguyễn Hoàng	Anh	AT17E				
4	206	AT170402	Nguyễn Văn	Anh	AT17D				
5	207	CT070104	Đoàn Hoàng	Anh	CT7A				
6	208	DT040106	Tô Vũ	Bảo	DT4A				
7	209	AT190405	Nguyễn Khắc	Bảo	AT19D				
8	210	DT060103	Trần Gia	Bảo	DT6A				
9	211	CT030405	Đỗ Thanh	Bình	CT3D				
10	212	AT170606	Nguyễn Thị Thu	Chang	AT17G				
11	213	DT060204	Thái Văn	Công	DT6B				Nợ lệ phí
12	214	CT030408	Nguyễn Hữu	Cường	CT3D				
13	215	CT070109	Trần Mạnh	Cường	CT7A				
14	216	DT060211	Lê Tiến	Dũng	DT6B				
15	217	AT190414	Trần Văn	Dũng	AT19D				Nợ lệ phí
16	218	CT070211	Trịnh Quốc	Dur	CT7B				Nợ lệ phí
17	219	AT190214	Nguyễn Thiên	Dương	AT19B				
18	220	DT040112	Mai Văn	Đạt	DT4A				
19	221	DT040210	Tạ Tiến	Đạt	DT4B				
20	222	DT060209	Hà Văn	Đạt	DT6B				
21	223	CT070209	Hoàng Quốc	Đạt	CT7B				
22	224	DT060208	Lê Văn	Đạt	DT6B				
23	225	CT070111	Vũ Văn	Đăng	CT7A				
24	226	DT060108	Đỗ Duy Hồng	Đức	DT6A				
25	227	AT190113	Nguyễn Giản Anh	Đức	AT19A				
26	228	DT030113	Nguyễn Trung	Đức	DT3A				
27	229	DT060214	Phan Tài	Em	DT6B				
28	230	CT020413	Huỳnh Thị Hương	Giang	CT2D				
29	231	DT040118	Vũ Thị Thu	Hà	DT4A				
30	232	CT050216	Nguyễn Thị	Hào	CT5B				
31	233	CT050319	Trần Trung	Hiếu	CT5C				
32	234	AT190420	Bùi Minh	Hiếu	AT19D				Nợ lệ phí
33	235	DT060121	Tạ Văn	Hoan	DT6A				
34	236	AT170321	Nguyễn Việt	Hoàng	AT17C				
35	237	AT190422	Vũ Việt	Hoàng	AT19D				
36	238	DT040227	Phùng Quang	Khải	DT4B				Nợ lệ phí
37	239	CT070133	Quách Văn	Khải	CT7A				

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Điểm	Ký tên	Ghi chú
38	240	CT040427	Nguyễn Duy	Khang	CT4D				
39	241	AT190328	Hoàng Văn	Khỏe	AT19C				
40	242	CT050129	Nguyễn Xuân	Kiệt	CT5A				
41	243	AT130327	Đào Quang	Linh	AT13C				Nợ lệ phí
42	244	CT050332	Phan Đức	Mạnh	CT5C				
43	245	CT050133	Vũ Ngọc	Mạnh	CT5A				
44	246	AT190434	Trần Công	Minh	AT19D				
45	247	AT170135	Đỗ Minh	Nguyên	AT17A				
46	248	CT070334	Cao Đình	Nguyên	CT7C				
47	249	AT180337	Nguyễn Ngọc Vũ	Nguyên	AT18C				
48	250	AT190439	Đỗ Đức	Phú	AT19D				
49	251	CT070339	Tạ Đức	Phúc	CT7C				
50	252	DT040142	Nguyễn Văn	Phương	DT4A				
51	253	AT170541	Phùng Văn	Quang	AT17E				
52	254	DT050128	Trần Trọng	Quý	DT5A				
53	255	AT170441	Đỗ Thị	Quyên	AT17D				
54	256	AT190245	Vũ Hồng	Son	AT19B				
55	257	AT190145	Lê Ký	Sự	AT19A				
56	258	AT190146	Trần Đức	Tài	AT19A				
57	259	CT050343	Lê Hữu	Tân	CT5C				
58	260	AT170546	Bùi Xuân	Thành	AT17E				
59	261	DT040246	Trần Văn	Thăng	DT4B				
60	262	CT050143	Quách Cao	Thắng	CT5A				
61	263	AT170646	Trần Đức	Thắng	AT17G				
62	264	CT070348	Lê Văn	Thắng	CT7C				
63	265	DT030138	Trần Quang	Thiện	DT3A				
64	266	CT050247	Nguyễn Đức	Thịnh	CT5B				
65	267	CT060440	Nguyễn Văn	Tình	CT6D				
66	268	AT150557	Trần Thị	Trang	AT15E				
67	269	AT180546	Lê Bá	Trường	AT18E				Nợ lệ phí
68	270	CT070257	Nguyễn Duy	Trường	CT7B				Nợ lệ phí
69	271	AT190456	Vũ Xuân	Tùng	AT19D				
70	272	AT190158	Phan Văn Hoàng	Việt	AT19A				Nợ lệ phí
71	273	AT190560	Đỗ Trường	Vũ	AT19E				

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

CBCT thứ nhất

CBCT thứ hai

Đại diện Phòng KT&ĐBCLĐT

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Năm học 2024-2025. Học kỳ 1

Môn thi: **Tiếng anh 3**

Lần thi: 2 Hình thức thi: Trắc nghiệm (máy) Thời gian làm bài: 120 (phút)

Ngày thi: **31/05/2025** Giờ thi: **15:00** Phòng thi: **203-TA1** Mã phòng thi: 698

Tổng số thí sinh: 32 Có mặt:..... Vắng: Có lý do: Không lý do:

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Điểm	Ký tên	Ghi chú
1	274	AT170602	Nguyễn Trường	Anh	AT17G				
2	275	AT190202	Ngô Tuấn	Anh	AT19B				
3	276	CT030306	Vũ Trọng	Chính	CT3C				
4	277	CT050312	Vũ Văn	Dũng	CT5C				
5	278	AT190314	Nguyễn Duy	Dũng	AT19C				Nợ lệ phí
6	279	DT060212	Phan Thùy	Dương	DT6B				
7	280	DT060107	Phan Thành	Đạt	DT6A				Nợ lệ phí
8	281	CT070318	Vũ Ngọc	Hải	CT7C				
9	282	AT170323	Đào Quốc	Hùng	AT17C				
10	283	DT060127	Nguyễn Văn	Huy	DT6A				
11	284	DT060128	Võ Quốc	Huy	DT6A				Nợ lệ phí
12	285	CT050324	Dương Đức	Hướng	CT5C				
13	286	CT070134	Lê Đồng Ngọc	Khánh	CT7A				
14	287	DT060230	Nguyễn Trung	Kiên	DT6B				
15	288	DT040130	Nguyễn Thị	Lan	DT4A				
16	289	DT040131	Nguyễn Hữu	Lê	DT4A				
17	290	AT140426	Vũ Thị Hoài	Linh	AT14D				
18	291	AT190132	Nguyễn Văn	Lý	AT19A				
19	292	AT160240	Nguyễn Hải	Nam	AT16B				Nợ lệ phí
20	293	CT010330	Lê Thị Thanh	Nga	CT1C				
21	294	AT170735	Phạm Đức	Nhân	AT17H				
22	295	AT190338	Nguyễn Minh	Nhật	AT19C				
23	296	AT170437	Vũ Mạnh	Phúc	AT17D				
24	297	CT070242	Bùi Thanh	Quân	CT7B				
25	298	AT160154	Đỗ Trung	Son	AT16A				
26	299	AT190348	Nguyễn Đức	Thắng	AT19C				Nợ lệ phí
27	300	AT170550	Đoàn Văn	Tiến	AT17E				
28	301	AT170450	Phạm Văn	Tính	AT17D				
29	302	CT070256	Lê Chí	Trung	CT7B				
30	303	AT160555	Phan Văn	Tuấn	AT16E				
31	304	DT040253	Nguyễn Xuân	Tùng	DT4B				
32	305	AT190557	Nguyễn Văn	Tùng	AT19E				

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

CBCT thứ nhất

CBCT thứ hai

Đại diện Phòng KT&ĐBCLĐT